



**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

---

**LƯƠNG QUÝ NGUYỄN**

**KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**  
**TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN**

**Mã số: 8 34 03 01**

**Đà Nẵng - Năm 2023**

Công trình được hoàn thành tại  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Trương Bá Thanh**

Phản biện 1: **TS. Phạm Hoài Hương**.....

Phản biện 2: **TS. Võ Thị Thùy Trang**.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kế toán học tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày ..8.. tháng ..10.. năm 2023

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

- **Thư viện trường Đại học Kinh tế**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Định hướng phát triển tiềm năng kinh tế của cả nước và mở cửa hội nhập kinh tế đòi hỏi nhà nước ta cần phải đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách hiện đại hóa hệ thống thuế. Trong đó, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát thuế TNDN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của chương trình cải cách hệ thống thuế; nhằm đẩy mạnh môi trường đầu tư, hướng tới ngành thuế minh bạch, tiện lợi và thuận tiện cho mọi đối tượng NNT.

Có thể nói thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN. Vì vậy, việc thực hiện thu đúng, thu đủ đảm bảo nguồn thu cho NSNN và công bằng, minh bạch trong quản lý việc thực hiện nghĩa vụ thuế của NNT luôn được nhà nước và lãnh đạo địa phương quan tâm sao sát. Cục Thuế tỉnh Quảng Nam (sau đây gọi tắt là Cục Thuế) luôn tranh thủ sự chỉ đạo của Lãnh đạo của cơ quan cấp trên và lãnh đạo địa phương thực hiện song song nhiệm vụ thu và đẩy mạnh cải cách hệ thống quản lý thuế; trong đó, nguồn thu từ thuế TNDN luôn được chú trọng đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đúng với chính sách thuế hiện hành, công bằng và tạo môi trường minh bạch để doanh nghiệp có môi trường thuận lợi phát triển, đồng thời nuôi dưỡng nguồn thu cho địa phương.

Mặc dù, được sự quan tâm chỉ đạo từ các cấp, tuy nhiên, đây là một trong những nguồn thu luôn phát sinh nhiều rủi ro trong kiểm soát. Nguyên nhân phát sinh từ nhiều phía, khiến cho việc kiểm soát thuế TNDN gặp nhiều khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro, cụ thể:

- Hành lang pháp lý trong quản lý thuế chưa hoàn thiện, chính sách thuế chưa theo kịp với các ngành nghề kinh doanh mới trong thời đại số.

- Quảng Nam là một trong những địa phương được nhà nước chú trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và thu hút vốn đầu tư nước ngoài, vì vậy có nhiều ưu đãi được áp dụng cho các doanh nghiệp có nguồn vốn FDI cũng là một trong những nguyên nhân gây khó khăn cho Cục Thuế trong việc xác định và kiểm soát các doanh nghiệp được nhận ưu đãi chính sách thuế.

- Công tác quản lý nợ thuế gặp nhiều khó khăn do quy trình quản lý nợ thuế còn gây lúng túng cho công chức trong quá trình thực hiện, việc chưa kiên quyết trong áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế khiến các khoản thu hồi nợ chưa được nộp vào NSNN kịp thời.

- Sự thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực, đặc biệt là công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra là một trong những khó khăn cho Cục Thuế trong công tác quản lý thuế của đơn vị.

Vì vậy, kiểm soát TNDN mang tính cấp thiết ở tầm vĩ mô cho các nhà quản lý. Hiểu được tầm quan trọng đó, tôi đã chọn đề tài: ***“Kiểm soát thuế TNDN tại Cục Thuế tỉnh Quảng Nam”*** để làm luận văn tốt nghiệp thạc sỹ chuyên ngành Kế toán.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về thuế TNDN, nội dung kiểm soát thuế TNDN làm nền tảng đánh giá thực trạng công tác kiểm soát này và đề xuất giải pháp.

- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác kiểm soát thuế TNDN tại Cục Thuế, chỉ ra những hạn chế trong công tác quản lý thuế TNDN.

- Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát thuế TNDN tại Cục Thuế trong thời gian tới.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác kiểm soát thuế TNDN của CQT.

- Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu công tác kiểm soát thuế TNDN tại Cục Thuế. Dữ liệu nghiên cứu từ năm 2011 đến năm 2022.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Dựa vào thực trạng công tác quản lý thuế TNDN tại Cục Thuế, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp thống kê: tổng hợp, phân tích, hệ thống hóa, khái quát hóa các nội dung về cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác quản lý thuế TNDN tại Cục Thuế .

- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu, thông tin: thu thập số liệu thứ cấp từ các báo cáo tổng hợp của Cục Thuế

- Nguồn số liệu:

+ Số liệu sơ cấp: phỏng vấn cán bộ, công chức thuế nghiên cứu các biên bản kiểm tra để khảo sát thực trạng, kết quả kiểm soát thuế TNDN tại Cục Thuế.

+ Số liệu thứ cấp:

✓ Báo cáo của các Phòng kiểm tra, báo cáo tổng hợp số liệu hằng năm và các báo cáo công tác năm của Cục Thuế trong 5 năm gần nhất.

✓ Thu thập các thông tin thứ cấp được chọn lọc và tổng hợp từ các tài liệu như: Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12; các thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN và các văn bản có liên quan tới công tác quản lý thuế TNDN hiện nay v.v...

### **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

Kết quả nghiên cứu sẽ đánh giá thực trạng kiểm soát thuế TNDN tại Quảng Nam trong giai đoạn 2011-2022; nhận diện hạn chế

trong công tác kiểm soát để đề xuất giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế. Bên cạnh đó, nghiên cứu góp phần chống thất thu thuế và giúp DN nâng cao tính tuân thủ nghĩa vụ thuế phù hợp với đặc thù của tỉnh Quảng Nam.

## **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Trong những năm gần đây đã có khá nhiều luận văn nghiên cứu về vấn đề này, tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống và trực tiếp về công tác quản lý thu thuế TNDN tại Cục Thuế tỉnh Quảng Nam. Do đó tác giả đã tìm hiểu tác giả muốn đi sâu tìm hiểu và nghiên cứu kỹ hơn về thực trạng công tác kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam

## **7. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận văn gồm 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp của Cơ quan Thuế.

Chương 2: Thực trạng kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục Thuế tỉnh Quảng Nam

Chương 3: Các giải pháp tăng cường công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục Thuế tỉnh Quảng Nam

## CHƯƠNG 1.

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP CỦA CƠ QUAN THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

#### 1.1. KHÁI QUÁT VỀ KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

##### 1.1.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

###### *a. Khái niệm thuế thu nhập doanh nghiệp*

Theo Luật thuế TNDN (Quốc hội, 2008), “Thuế TNDN là loại thuế trực thu đánh vào thu nhập của doanh nghiệp sau khi đã trừ đi những chi phí để tạo ra thu nhập trong mỗi kỳ tính thuế”.

###### *b. Đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp*

Đặc điểm chung của thuế là có tính cưỡng chế và tính pháp lý cao (được điều chỉnh bởi các Luật thuế và pháp luật có liên quan). Trên giác độ kinh tế, thuế TNDN được xem như một loại thuế “thu trước” hoặc “thu gộp” của thuế thu nhập cá nhân. Thông qua việc thu thuế TNDN, các Chính phủ có thể giảm bớt được chi phí quản lý thu và hạn chế được nhiều rủi ro so với thuế thu nhập cá nhân.

###### *c. Vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp*

Hệ thống pháp luật về thuế TNDN áp dụng chung cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, tạo sự bình đẳng cho cạnh tranh, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Việc xác định phạm vi thu thuế và không thu thuế, quy định mức thuế suất phổ thông và thuế suất ưu đãi, quy định danh mục các ngành nghề, địa bàn kinh tế xã hội khó khăn cần ưu tiên, khuyến khích đầu tư, phát triển, sử dụng biện pháp ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN theo mức độ khác nhau... thể hiện chính sách ưu đãi hay khuyến khích đầu tư và vai trò “bàn tay vô hình” điều tiết sự phát triển nền kinh tế của Nhà nước.

#### ***d. Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp***

Căn cứ tính thuế TNDN là thu nhập tính thuế và thuế suất.  
Thuế TNDN phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất TNDN}$$

Trong đó:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left( \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{được miễn} \\ \text{thuế} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản lỗ} \\ \text{được kết chuyển} \\ \text{theo quy định} \end{array} \right)$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \left( \begin{array}{l} \text{Doanh} \\ \text{thu} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{được trừ} \end{array} \right) + \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{thu nhập} \\ \text{khác} \end{array}$$

### **1.1.2. Kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### ***a. Kiểm soát thuế***

Kiểm soát thuế là kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế, chính sách thuế của ĐTNNT và các quy trình QLT của cán bộ, công chức thuế nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ và thu kịp thời tiền thuế vào NSNN, đồng thời nâng cao ý thức tự giác chấp hành chính sách, pháp luật thuế và tạo điều kiện thuận lợi cho ĐTNNT trong việc kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ thuế.

#### ***b. Khái niệm kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp***

Kiểm soát thuế TNDN chính là việc kiểm tra, kiểm soát để xác định tính đầy đủ, chính xác số thuế TNDN mà đối tượng nộp thuế phải nộp theo quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng



dẫn về căn cứ tính thuế TNDN như: xác định doanh thu tính thuế TNDN, các khoản chi phí hợp lý được trừ và không được trừ, các khoản lỗ, các khoản thu nhập khác, các quy định về mức thuế suất, xác định chế độ ưu đãi miễn giảm thuế (Nguyễn Thị Thu Lương, 2015)

### ***c. Đặc điểm kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp***

Kiểm soát thuế TNDN phải kiểm soát toàn diện từ doanh thu chịu thuế, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh đến chính sách miễn giảm theo dự án đầu tư, theo lĩnh vực, ngành nghề hay địa bàn kinh doanh.

### ***d. Mục tiêu của kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp***

Mục tiêu kiểm soát thuế TNDN là tập trung, huy động đầy đủ, kịp thời số thu cho NSNN từ nguồn thu thuế TNDN của các DN trên địa bàn được giao quản lý và mức thu luật định, trên cơ sở không ngừng nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu. Kiểm soát thuế giúp cải tiến các thủ tục trong quy trình quản lý thuế TNDN, nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả làm việc của CQT

## **1.2. NỘI DUNG KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

### **1.2.1. Kiểm soát nội bộ trong khu vực công**

#### ***a. Khái quát về kiểm soát nội bộ***

KSNB là cơ cấu của một tổ chức, bao gồm nhận thức, phương pháp, quy trình và các biện pháp của người lãnh đạo nhằm bảo đảm sự hợp lý để đạt được các mục tiêu của tổ chức.

#### ***b. Các yếu tố cấu thành của INTOSAI***

INTOSAI đưa ra năm thành phần chủ yếu của hệ thống KSNB gồm: “Môi trường kiểm soát; Đánh giá rủi ro; Hoạt động kiểm soát; Thông tin và truyền thông; Hoạt động giám sát”.

### **1.2.2. Quy trình kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp**

Dựa vào Luật Quản lý thuế (Quốc hội, 2008), quy trình, nội dung kiểm soát thuế được thực hiện theo bốn giai đoạn sau:

#### ***a. Kiểm soát ở khâu đăng ký, kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp***

- Kiểm soát đăng ký thuế
- + Đối với NNT được cấp MST mới
- + Đối với NNT thay đổi thông tin đăng ký thuế nhưng không làm thay đổi MST và không thay đổi CQT quản lý trực tiếp
- + Đối với NNT chuyển địa điểm và thay đổi CQT quản lý trực tiếp
- + Đối với NNT tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp và thay đổi MST
- + Đối với NNT tạm ngừng kinh doanh có thời hạn
- + Đối với NNT giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động
- + Đối với NNT bỏ địa chỉ kinh doanh hoặc không tìm thấy địa chỉ hoạt động nhưng chưa làm thủ tục chấm dứt hiệu lực MST
- Kiểm soát kê khai thuế

Đối với HSKT nộp trực tiếp, nộp qua đường bưu điện bộ phận “một cửa” tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ, đúng thủ tục của HSKT theo quy định sau đó chuyển bộ phận KK&KTT kiểm tra, đối chiếu thông tin trên tờ khai, phụ lục sau đó nhập vào ứng dụng quản lý thuế, nếu có sai sót yêu cầu NNT điều chỉnh.

Đối với HSKT điện tử nộp qua ứng dụng tiếp nhận hồ sơ khai thuế của ngành Thuế, ứng dụng sẽ kiểm tra những thông tin cơ bản như kỳ kê khai, lỗi số học,...nếu có sai sót sẽ gửi thông báo đến NNT yêu cầu điều chỉnh sau đó tự động hạch toán nghĩa vụ thuế vào phần mềm hệ thống quản lý thuế. (Tổng cục Thuế, 2015)

#### ***b. Kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu kiểm tra thuế***

- Kiểm soát thuế TNDN ở khâu kiểm tra tại trụ sở CQT

Kiểm tra tại trụ sở CQT được tiến hành thường xuyên đối với các hồ sơ khai thuế nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực, hợp lý của hồ sơ khai thuế trên cơ sở so sánh phân tích đối chiếu với các nguồn thông tin thu thập.

- Kiểm soát thuế TNDN ở khâu kiểm tra tại trụ sở NNT:
- + Xây dựng kế hoạch kiểm tra
- + Chuẩn bị kiểm tra
- + Tiến hành kiểm tra
- + Xử lý kết quả kiểm tra

### ***c. Kiểm soát thu nợ thuế thu nhập doanh nghiệp***

Hằng ngày công chức quản lý nợ căn cứ tiêu thức phân loại tiền thuế nợ để phân loại tính chất theo từng khoản nợ, nhóm nợ để phản ánh kịp thời các thời thay đổi liên quan đến tính chất nợ và thực hiện đôn đốc thu nộp.

### **1.2.3. Tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp**

Để đánh giá được kết quả của công tác quản lý thu thuế TNDN cần phải căn cứ vào một số tiêu chí đánh giá như:

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thu thuế TNDN hàng năm được tính
- Tốc độ tăng thu:
- Tỷ lệ thu thuế TNDN trên GDP
- Tỷ lệ nợ trên tổng số thuế phải nộp
- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế TNDN
- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế được tính
- Số sai phạm phát hiện qua kiểm tra:
- Chất lượng dịch vụ

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

## **CHƯƠNG 2.**

### **THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM**

#### **2.1. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CỤC THUẾ**

##### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Cục Thuế**

Cục Thuế Quảng Nam được thành lập theo Quyết định số 1136- TC/TCCB ngày 14/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX ngày 06/11/1996 về chia tách địa giới hành chính tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành 2 đơn vị hành chính mới (tỉnh Quảng Nam và TP. Đà Nẵng). Cục Thuế Quảng Nam có trụ sở chính tại số 594 đường Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

##### **2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Cục Thuế**

Cục Thuế tỉnh Quảng Nam là tổ chức trực thuộc Tổng cục Thuế, có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của NSNN (gọi chung là thuế) thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành thuế trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Tổ chức bộ máy quản lý thu thuế và phòngngũ cán bộ công chức

##### **2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng ban thuộc Cục thuế**

Các phòng thuộc Cục thuế bao gồm: Phòng Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế; Phòng Kế khai và Kế toán thuế; Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; Phòng Kiểm tra thuế; Phòng thanh tra thuế; Phòng Tổng hợp- Nghiệp vụ- Dự toán; Phòng Pháp chế; Phòng Quản lý thuế thu nhập cá nhân; Phòng Kiểm tra nội bộ; Phòng tin học; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Hành chính - Quản trị - Tài vụ - ấn chỉ

#### **2.2. KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM**

### **2.2.1. Môi trường kiểm soát thuế**

#### ***a. Triết lý quản lý và phong cách điều hành của nhà quản lý***

Ban lãnh đạo Cục thuế tỉnh Quảng Nam luôn thể hiện rõ quan điểm thái độ và hành động của mình đối với công tác Quản lý thuế, muốn thiết lập môi trường kiểm soát hiệu quả và cách thức điều hành đúng theo các chính sách mà đơn vị đề ra.

#### ***b. Đặc điểm cán bộ và doanh nghiệp do Cục thuế quản lý***

Đến cuối năm 2022 Cục Thuế được phân công quản lý khoảng 2182 doanh nghiệp. Trong 3 năm từ 2020 đến 2022 số lượng DN do Cục quản lý tăng mạnh với đa dạng ngành nghề kinh doanh. Với số lượng doanh nghiệp lớn như trên, Cục thuế đã phân bổ nguồn lực hợp lý để thuận tiện cho việc quản lý.

### **2.2.2. Đánh giá rủi ro**

- ✓ Giai đoạn đăng ký ban đầu
- ✓ Giai đoạn xử lý hồ sơ khai thuế
- ✓ Giai đoạn kiểm tra thuế
- ✓ Giai đoạn quản lý nợ

### **2.2.3. Các hoạt động kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế**

#### ***a. Kiểm soát ở khâu đăng ký thuế***

Tại Cục Thuế, trên cơ sở thông tin về NNT được cấp MST mới trên hệ thống đăng ký thuế do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam chuyển sang bộ phận KK&KTT thực hiện kiểm soát khâu đăng ký thuế.

Xác định sắc thuế, kỳ tính thuế và thời hạn phải nộp HSKT của từng NNT để cập nhật Danh sách theo dõi NNT phải nộp HSKT. Theo dõi các trường hợp NNT thay đổi thông tin đăng ký thuế, CQT quản lý thuế trực tiếp, tình trạng hoạt động, thay đổi nghĩa vụ thuế,

tổ chức, sắp xếp lại DN, tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, bỏ trốn, mất tích, không tìm thấy địa chỉ hoạt động...thông qua đó theo dõi kê khai thuế của NNT, nếu phát hiện NNT không thực hiện kê khai thay đổi, khai bổ sung, điều chỉnh thông tin đăng ký thuế theo quy định thì xử lý hành vi vi phạm về đăng ký thuế theo Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế

### ***b. Kiểm soát ở khâu kê khai thuế***

Cục Thuế nhận thức thủ tục xử lý HSKT là thủ tục đầu vào cơ bản trong quy trình kiểm soát thuế TNDN, vì vậy các thông tin đầu vào của NNT đã được Cục thuế thực hiện phản ánh đúng nghĩa vụ thuế của NNT ở mức độ chính xác, tính kịp thời qua nhiều hình thức xử lý HSKT cụ thể sau:

Bước 1: Hỗ trợ NNT thực hiện kê khai thuế

Bước 2: Tiếp nhận, xử lý HSKT:

Bước 3: Xử lý vi phạm về việc nộp HSKT

***Bảng 2.1. Bảng tổng hợp công tác kê khai thuế TNDN tại Cục Thuế***

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng số tờ khai phải nộp	1.550	1.872	1.947
2	Tổng số tờ khai đã nộp	1.344	1.668	1.788
3	Tổng số tờ khai thuế nộp quá hạn	312	397	466
4	Tổng số tờ khai nộp quá hạn đã xử phạt	168	198	204
5	Tỷ lệ tờ khai đã nộp (2)/(1)	87%	89%	92%
6	Tỷ lệ tờ khai nộp quá hạn (3)/(2)	23%	24%	26%

***c. Kiểm soát ở khâu thanh tra, kiểm tra, giám sát số thuế thu nhập doanh nghiệp do doanh nghiệp kê khai***

- Đối với hoạt động kiểm tra tại trụ sở CQT
  - + Đối chiếu các chỉ tiêu trong quyết toán thuế với BCTC như doanh thu, tổng chi phí được trừ với doanh thu, các chi phí trên Báo cáo KQKD,...
  - + So sánh các chỉ tiêu trong quyết toán thuế TNDN, BCTC năm nay với số liệu trên quyết toán thuế TNDN, BCTC năm trước, xem xét các khoản lỗ đã kết chuyển qua các năm;
  - + Đối chiếu với các dữ liệu của NNT có cùng quy mô, cùng ngành nghề, mặt hàng kinh doanh để xem có những bất thường trong việc tính thuế kê khai thuế hay không;
- Đối với hoạt động kiểm tra tại trụ sở NNT
  - Lập kế hoạch kiểm tra:
    - + Lựa chọn các DN có rủi ro về thuế;
    - + Lựa chọn DN có doanh thu năm trước hoặc số thuế phải nộp lớn.
    - + Lựa chọn một số DN theo yêu cầu của cấp trên.
  - Chuẩn bị kiểm tra:
    - + Thu thập thông tin:
      - ✓ Hồ sơ khai thuế, hồ sơ quyết toán thuế;
      - ✓ BCTC doanh nghiệp;
      - ✓ Thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của NNT;
      - ✓ Thông tin về việc chấp hành nghĩa vụ thuế của NNT;
      - ✓ Thông tin về kiểm tra NNT các năm trước;
    - + Tiến hành phân tích:
      - ✓ Phân tích tỷ suất (%) một số chỉ tiêu trên BCTC để nắm tình hình chung về sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Phân tích chiều dọc, chiều ngang BCTC:

+ Chuẩn bị kiểm tra:

- Kiểm tra doanh thu:

+ Kiểm tra tài khoản phải thu khách hàng (TK131)

+ Đối với DN khách sạn đối chiếu số liệu giữa hóa đơn với sổ lưu trú để xem xét số lượng khách nghỉ tại khách sạn, nếu nghỉ nhờ số liệu trên sổ lưu trú thì đến xác minh số lượng khách lưu trú tại khách sạn mà DN đã đăng ký tại công an phường qua đó phát hiện doanh thu thực tế và doanh thu kê khai thuế.

+ Đối với doanh nghiệp kinh doanh ăn uống: tính toán lại số lượng rượu, bia mà DN đã nhập, xuất bán, tồn lại cuối năm từ đó chỉ ra sự bất hợp lý giữa kho chứa và lượng rượu bia tồn qua đó phát hiện ra doanh thu mà DN chưa xuất hóa đơn và doanh thu kê khai thuế.

+ Đối chiếu hóa đơn, chứng từ kết hợp quan sát tài sản, hoạt động của DN để xác định việc DN kê khai không đầy đủ doanh thu đi kèm như DN kinh doanh xe máy không kê khai doanh thu sửa chữa xe máy, bán phụ tùng hoặc DN kinh doanh khách sạn kê khai không đầy đủ doanh thu đi kèm như giặt ủi, nhà hàng, cà phê,...

+ Kiểm tra hàng tồn kho, yêu cầu DN cung cấp các sổ kho TK 156, TK 155, TK 157

+ Sử dụng phương pháp phân tích các chi phí liên quan trực tiếp để xác định sự mâu thuẫn, sự bất hợp lý về việc kê khai thiếu doanh thu như chi phí xăng dầu của doanh nghiệp vận tải...

- Kiểm tra chi phí:

+ Về giá vốn

+ Về TSCĐ

+ Chi phí bán hàng, quản lý DN

+ Chi phí lãi vay

+ Chi phí tiền lương



#### ***d. Kiểm soát thu nợ thuế thu nhập doanh nghiệp***

Cục Thuế đã nghiêm túc thực hiện việc xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ:

- Giảm số nợ mới phát sinh, phân đầu thu nợ giảm số nợ thuế đến thời điểm cuối năm không vượt quá 5% số thu NSNN thực hiện được trong năm đó.

- Phân đầu thu được 85% số thuế nợ năm trước chuyển sang.

- Phát hành 100% thông báo nợ thuế.

- Thực hiện cưỡng chế nợ thuế 100% với NNT có số thuế nợ phải thực hiện cưỡng chế từ 5 triệu đồng trở lên.

#### **2.2.4. Thông tin và truyền thông**

Về công tác cung cấp số liệu thu, chi NSNN phục vụ cho các báo cáo của lãnh đạo hay phối hợp với Kho bạc nhà nước, ngân hàng, do sử dụng hệ thống Quản lý thuế tập trung TMS cho nên các thông tin được cung cấp nhanh chóng, kịp thời, chính xác.

#### **2.2.5. Về hoạt động giám sát**

##### ***a. Giám sát thường xuyên:***

Việc giám sát thường xuyên được Cục thuế quan tâm và chú trọng, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, các cán bộ, bộ phận có thể trao đổi thông tin, hỗ trợ, giám sát lẫn nhau, vì thực hiện quá trình thu không phải chỉ một bộ phận nên nếu bộ phận này sai sót có thể dẫn đến sai sót tiếp theo của bộ phận khác, từ đó có thể kịp thời phát hiện ra các sai sót ở từng bộ phận để có biện pháp xử lý, điều chỉnh:

***Bảng 2.2. Hoạt động giám sát thuế GTGT tại Cục thuế***

<b>Bộ phận</b>	<b>Nội dung giám sát</b>
Kê Khai	- Đối chiếu số liệu với cán bộ ở Phòng Thuế Liên xã, thị trấn để giúp phát hiện sai lệch trong quá trình nhập chứng từ thu thuế GTGT của hộ KD.

<b>Bộ phận</b>	<b>Nội dung giám sát</b>
	- Giám sát quá trình giao nhận hồ sơ của Bộ phận một cửa.
Quản lý ấn chỉ, hóa đơn	Đối chiếu số liệu với cán bộ ở Phòng Kế khai về tình hình sử dụng hóa đơn của đơn vị để giúp phát hiện sai lệch giữa Báo cáo sử dụng hóa đơn và Tờ khai thuế GTGT.
Kiểm tra thuế	Giám sát quá trình xử lý các hồ sơ liên quan đến DN thuộc Cục thuế quản lý. Đồng thời đối chiếu số liệu thực tế từ DN cung cấp với số liệu được kết xuất từ chương trình quản lý thuế mà cán bộ phòng Kế khai đã xử lý.
Quản lý nợ	Đối chiếu số phải thu của đơn vị so với số đã thu, số tiền thừa thiếu, qua đó giám sát quá trình nhập dữ liệu phát sinh của Phòng Kế khai

***b. Giám sát định kỳ:***

Giám sát định kỳ được thực hiện theo kế hoạch kiểm tra, soát xét mọi hoạt động kiểm soát thuế theo quy trình quản lý thuế đã được thống nhất trong toàn ngành. Giám sát định kỳ được thực hiện trên phạm vi và mức độ sai sót và hiệu quả của hoạt động giám sát thường xuyên.

**2.2.6. Đánh giá tổng hợp công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục Thuế**

**Hạn chế**

***a. Hạn chế ở thủ tục đăng ký, kê khai thuế***

Hiện nay các quy định về thành lập và giải thể DN quá dễ dãi, thiếu tính ràng buộc, việc kê khai vốn đăng ký hoàn toàn do chủ quan của DN, không có sự kiểm tra hay điều kiện ràng buộc chặt chẽ nào

***b. Hạn chế ở thủ tục kiểm tra thuế***

Chất lượng nhiều cuộc kiểm tra không cao, số thuế truy thu bình quân thấp. Khi tiến hành kiểm tra thuế đối, công chức thường tập trung kiểm tra số liệu kê khai trên sổ sách chứng từ mà hạn chế việc tiếp cận tìm hiểu các cơ sở sản xuất, chưa thực hiện việc ấn định thuế. Với trường hợp NNT có sử dụng hoá đơn bất hợp pháp, việc thực hiện xác minh hoá đơn mới chỉ mang tính hình thức về việc bên người bán kê khai, còn chưa nắm rõ được bản chất của nghiệp vụ kinh tế.

***c. Hạn chế ở thủ tục quản lý nợ thuế***

Công tác quản lý, thu hồi nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế còn chưa đạt hiệu quả cao, tỷ lệ nợ có khả năng thu trên sổ thực hiện thu NSNN luôn cao hơn chỉ tiêu đề ra (5%). Nguyên nhân là do chưa giao chỉ tiêu thu nợ đến từng cán bộ công chức nên việc áp dụng quy trình quản lý nợ chưa triệt để. Các biện pháp cưỡng chế thực hiện chưa hiệu quả.

**KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

### CHƯƠNG 3.

## CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

### 3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP DO CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM THỰC HIỆN

Các kĩ thuật kiểm tra, phân tích vẫn còn sơ sài chưa có được những giải pháp cụ thể. Bên cạnh đó, trình độ của cán bộ kiểm tra vẫn chưa đồng đều dẫn đến còn nhiều khe hở cho các doanh nghiệp trốn thuế, do đó tình hình tự kê khai thuế TNDN tạm nộp theo từng quý còn thấp, gây thất thu cho NSNN. Chính vì vậy để ngăn chặn những hành vi gian lận về thuế, Cục thuế cần tăng cường công tác kiểm soát thuế TNDN để đảm bảo tính công bằng, minh bạch nghĩa vụ thuế của các DN.

### 3.2. CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

#### 3.2.1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý thuế Cục Thuế

- Thành lập thêm phòng thanh tra thuế giúp lãnh đạo Cục thuế triển khai công tác thanh tra thuế.

- Thành lập thêm phòng kiểm tra nội bộ tách ra phòng kiểm tra thuế.

#### 3.2.2. Giải pháp kiểm soát thuế tại Cục Thuế

*a. Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp ở thủ tục đăng ký, kê khai thuế*

Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát thuế TNDN ở thủ tục kiểm tra thuế

- Công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra thuế
- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung thông tin NNT
- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá rủi ro, đánh trọng số cho điểm các tiêu chí thông qua đó xác định mức độ rủi ro trong HSKT của DN có thể dẫn đến việc kê khai thuế không được chính xác.

- Lựa chọn các đối tượng để thực hiện thanh tra, kiểm tra
- Nhận dạng các hành vi trốn thuế TNDN

***b. Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp ở thủ tục quản lý nợ thuế***

Cục thuế cần phải rà soát, phân loại đúng số nợ đọng thuế ở thời điểm cuối năm. Trong khi rà soát, phân loại nếu số thuế giữa CQT theo dõi và số thuế NNT không khớp nhau thì công chức quản lý nợ tham mưu Ban lãnh đạo ban hành quyết định xóa nợ, điều chỉnh các khoản nợ tính sai, tính nhầm, điều chỉnh các khoản nợ chờ điều chỉnh cho chính xác để giảm số nợ thuế ảo trên ứng dụng quản lý thuế tập trung.

**3.2.3. Giải pháp kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp thông qua quản lý hoá đơn bằng tiền mặt**

**3.2.4. Giải pháp kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp thông qua điều tra thuế**

Kịp thời phát hiện và xử lý hành vi trốn thuế. Quy định này mang tính chất răn đe, ngăn chặn các hành vi gian lận về thuế của một bộ phận, tổ chức cá nhân móc nối với nhau có tính tổ chức và thủ đoạn tinh vi, giảm bớt công việc của cơ quan công an.

**3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM TẠO ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT**

### **3.3.1. Đối với Chính phủ, Bộ tài chính:**

Công tác kiểm soát thuế phát huy vai trò, cần được đề nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung sau:

- + Về Luật Quản lý thuế
- + Về luật thuế TNDN
- + Quản lý hóa đơn
- + Thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng
- + Đối với ngành thuế

### **3.3.2. Đối với Cục thuế và UBND tỉnh Quảng Nam**

Chỉ đạo các cơ quan trực thuộc tỉnh xây dựng quy chế phối hợp thanh tra, kiểm tra từ cấp tỉnh đến quận.

Đưa chương trình tuyên truyền pháp luật về thuế vào các trường học trên địa bàn, chỉ đạo các ban ngành đưa chỉ tiêu thực hiện nghĩa vụ thuế (tuyên truyền kết quả thu ngân sách) vào đánh giá thi đua tại các quận, huyện.

Kiến nghị Bộ tài chính cho thí điểm triển khai hệ thống kiểm soát doanh thu chịu thuế bằng cách quản lý hóa đơn thu tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

## KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn kiểm soát thuế TNDN tại Cục Thuế tỉnh Quảng Nam tác giả đã hoàn thành luận văn thạc sỹ đề tài “Kiểm soát thuế TNDN tại Cục Thuế tỉnh Quảng Nam”. Luận văn đã đặt ra và giải quyết đầy đủ về kiểm soát thuế TNDN do Cục Thuế thực hiện:

**Thứ nhất**, hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận về kiểm soát thuế TNDN, nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát thuế TNDN.

**Thứ hai**, đánh giá thực trạng mà chủ yếu là hạn chế của quy trình kiểm soát thuế TNDN tại Cục Thuế tỉnh Quảng Nam thực hiện.

**Thứ ba**, đề xuất ra giải pháp tăng cường kiểm soát thuế TNDN bằng cách đề xuất các kỹ thuật, phương pháp kiểm tra thuế, hoàn thiện bộ máy tổ chức. Đồng thời đưa ra các ý kiến đề xuất, phối hợp với các cơ quan chức năng nhằm tăng cường kiểm soát thuế TNDN do Cục Thuế tỉnh Quảng Nam thực hiện.

**Thứ tư**, một số kết quả nghiên cứu của luận văn đã và đang được triển khai tại Cục Thuế. Đồng thời có thể áp dụng thực tế tại các Cục thuế khác trong điều kiện tương tự.